

APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY TOOLS TO ENHANCE ENGLISH LISTENING SKILLS: LEARNERS' ATTITUDES AND PREFERENCES

Trinh Quoc Lap¹, Vo Diem Trinh²,
Le Cong Tuan^{*3}, Ngo Huynh Hong Nga⁴

* Corresponding author
Email: lctuan@ctu.edu.vn

¹ Email: tqlap@ctu.edu.vn

² Email: vdtrinh@ctu.edu.vn

⁴ Email: nhhnga@ctu.edu.vn

^{1,2,3,4} Can Tho University
3/2, Xuan Khanh ward, Ninh Kieu district,
Can Tho City, Vietnam

Received: 25/12/2024

Revised: 26/01/2025

Accepted: 17/3/2025

Published: 20/4/2025

Abstract: Information technology is increasingly applied in education due to its effectiveness in providing learners with abundant learning resources and enabling teachers to employ diverse teaching methods. In the field of foreign language education, information technology proves exceptionally beneficial by facilitating learners' exposure to authentic language, which is essential in language acquisition. While numerous studies have examined attitudes and perceptions regarding the role of technology in learning English, this study specifically explores the issue from the learners' perspective. The study involved 52 learners from an English center in the Mekong Delta, with data collected through questionnaires and interviews. The findings are analyzed and discussed across three dimensions: 1) Technology tools preferred by learners, 2) Learners' attitudes, and 3) Factors influencing learners' perceptions of applying information technology to English listening skills. The results offer suggestions for fostering positive attitudes and enhancing learners' acceptance of information technology in English teaching and learning activities.

Keywords: Information technology, attitude, listening skill, English learner.

ỨNG DỤNG CÁC CÔNG CỤ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG NGHE TIẾNG ANH: THÁI ĐỘ VÀ SỞ THÍCH CỦA NGƯỜI HỌC

Trịnh Quốc Lập¹, Võ Diễm Trinh²,
Lê Công Tuấn^{*3}, Ngô Huỳnh Hồng Nga⁴

* Tác giả liên hệ:
Email: lctuan@ctu.edu.vn

¹ Email: tqlap@ctu.edu.vn

² Email: vdtrinh@ctu.edu.vn

⁴ Email: nhhnga@ctu.edu.vn

^{1,2,3,4} Trường Đại học Cần Thơ
Đường 3/2, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Nhận bài: 25/12/2024

Chỉnh sửa xong: 26/01/2025

Chấp nhận đăng: 17/3/2025

Xuất bản: 20/4/2025

Tóm tắt: Công nghệ thông tin được áp dụng ngày càng nhiều trong giáo dục do hiệu quả mang lại cho người học nguồn học liệu phong phú và cho phép giáo viên áp dụng đa dạng các phương pháp dạy học. Trong lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ, công nghệ thông tin rất hữu ích qua việc tạo điều kiện cho người học tiếp xúc với ngôn ngữ thực tế là điều rất cần thiết trong môi trường tiếng Anh chỉ là ngoại ngữ. Đã có rất nhiều các nghiên cứu về thái độ, nhận thức đối với vai trò của công nghệ trong việc học tiếng Anh, nghiên cứu này tập trung tìm hiểu vấn đề tương tự theo cách nhìn của người học. Đối tượng nghiên cứu gồm 52 học viên tại một cơ sở tiếng Anh ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Dữ liệu thu thập được thông qua bảng hỏi và phỏng vấn. Kết quả được trình bày và thảo luận theo các khía cạnh sau: 1) Các công cụ công nghệ được người học ưa chuộng, 2) Thái độ của người học, 3) Các yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của người học về ứng dụng công nghệ thông tin vào môn nghe tiếng Anh. Kết quả gọi ra những đề xuất nhằm tăng cường thái độ tích cực và mức độ đón nhận của người học với công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học tiếng Anh.

Từ khóa: Công nghệ thông tin, thái độ, kỹ năng nghe, người học tiếng Anh.

1. Đặt vấn đề

Trong việc học ngoại ngữ, kỹ năng nghe rất quan trọng vì nó cung cấp ngữ liệu đầu vào cơ bản (Rost, 1994; Nugroho et al., 2020; Nevisi & Modarresi, 2023). Nếu không hiểu đầu vào một cách thích hợp,

người học không thể cải thiện việc học của họ. Nghe là một yếu tố cần thiết để có được đầu vào dễ hiểu, bổ sung cho các kỹ năng khác (Krashen, 1985; Siegel, 2014; Devi, 2022). Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường lắng nghe nhiều hơn là nói, đọc hoặc viết

(Morley, 1991; Ahmadi, 2016; Duressa et al., 2022). Tuy nhiên, nghe lại là một kỹ năng ít được chú trọng và đầu tư đặc biệt, dù được xem là kỹ năng thách thức nhất (Nguyen, 2007; Nguyen & Thai, 2018; Duong et al., 2019).

Để phát triển kỹ năng nghe, các tài liệu được sử dụng trong các lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ đóng vai trò quan trọng. Chính công nghệ thông tin có thể cung cấp các tài liệu hữu ích và với công nghệ thông tin, giáo viên có thể sử dụng các phương pháp giảng dạy khác nhau. Ví dụ, bài học dựa trên video cung cấp cho giáo viên một nguồn tài liệu phong phú và thiết thực để sử dụng, giúp phát triển khả năng nghe hiểu của người học. Các hoạt động dựa trên video có thể là một phương tiện thay thế hoặc tích hợp để dạy nghe vì chúng là một nguồn gồm nhiều bài hội thoại và đối thoại đa dạng bằng tiếng Anh thiết thực hằng ngày. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho việc hiểu các khía cạnh khác nhau của ngôn ngữ nói. Secules và các cộng sự (1992) đã đề cập rằng, bài học dùng video thích hợp hơn bài học chỉ có âm thanh, do tính đa phương thức của video thúc đẩy, kích thích người học và thu hút sự chú ý của họ. Do đó, các tài liệu dạng video được sử dụng rộng rãi như một công cụ phù hợp và ưu việt để thực hành kỹ năng nghe trong việc học tiếng Anh. Với những lợi ích to lớn của công nghệ thông tin đối với việc dạy và học ngôn ngữ nhưng có ít nghiên cứu về công nghệ thông tin được sử dụng tại các trung tâm, cơ sở ngoại ngữ, nghiên cứu này đề ra mục tiêu tìm hiểu sâu việc ứng dụng công nghệ thông tin từ quan điểm và đánh giá của người học. Để đạt được mục tiêu này, nghiên cứu hiện tại giải quyết các câu hỏi sau: 1/ Những công cụ công nghệ thông tin nào được ưa chuộng trong lớp học môn nghe tiếng Anh? 2/ Thái độ của người học đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài học nghe là gì? 3/ Những yếu tố nào ảnh hưởng đến thái độ của người học đối với việc sử dụng công nghệ thông tin?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể tham gia

Khách thể tham gia gồm 52 học viên được chọn ngẫu nhiên từ hai lớp học thực tế tại một trung tâm ngoại ngữ ở Đồng bằng Sông Cửu Long. Sáu trong số những học viên này đã được mời tham gia phỏng vấn. Về giới tính, 25 học viên nam (48,1%) và 27 học viên nữ (51,9%). 22 (42,3%) người học xuất thân từ thành phố, trong khi 30 (57,7%) học viên đến từ nông thôn. Độ tuổi dao động từ 18 đến 24 tuổi. Các khách thể được xác định là có trình độ tiếng Anh tương

đương với cấp độ A2 theo Khung tham chiếu Ngôn ngữ chung Châu Âu dựa trên bài kiểm tra khảo sát trước khi họ theo học tại trung tâm ngoại ngữ nơi nghiên cứu này được thực hiện.

2.2. Công cụ nghiên cứu

2.2.1. Bảng hỏi

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên phần tổng quan, lược khảo tài liệu và một phần theo nghiên cứu của Albirini (2006). Bảng hỏi gồm 30 câu theo thang đo Likert scale 05 bậc. Thái độ được xem xét theo ba nhóm (Gardner, 1985) gồm: thái độ tri nhận (Cognitive attitude), thái độ cảm xúc (Affective attitude), thái độ hành vi (Behavioral attitude). Tiêu chí xếp loại cho ba nhóm thái độ này dựa trên động từ chính trong các tiểu mục (Item) trong bảng hỏi. Cụ thể, thái độ tri nhận thể hiện bằng các động từ *know*, *think*; thái độ cảm xúc thể hiện bằng động từ *feel*; thái độ hành vi qua các động từ *will* và *want*. Bảng hỏi bằng tiếng Việt được kiểm tra độ giá trị và rõ ràng về nội dung bởi hai giảng viên có chuyên môn và kinh nghiệm nghiên cứu. Độ tin cậy được đảm bảo qua thử nghiệm (Cronbach's Alpha Coefficient = .87; n = 27). Độ tin cậy của bảng câu hỏi chính thức $\alpha = .92$.

2.2.2. Phỏng vấn

Công cụ thứ hai được sử dụng trong nghiên cứu là phỏng vấn. Sáu cuộc phỏng vấn được thực hiện với mục đích tìm hiểu các yếu tố tác động lên thái độ của người học về công nghệ thông tin. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài trung bình 20 phút. Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bằng tiếng Việt để tạo sự thoải mái cho các khách thể. Tất cả các câu trả lời được ghi âm và sao chép cẩn thận cho việc phân tích.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề về công nghệ thông tin

3.1.1. Khái quát chung về công nghệ thông tin

Một số định nghĩa khác nhau về công nghệ thông tin đã được đề xuất vì công nghệ thông tin phát triển và thay đổi nhanh chóng trong những năm gần đây. Trong lịch sử, thuật ngữ công nghệ thông tin, một sự kết hợp của *thông tin* và *truyền thông* được sử dụng để mô tả một loạt các công nghệ dùng thu thập, lưu trữ, truy xuất, xử lý, phân tích và truyền thông tin. Đối với Anderson (2010), công nghệ thông tin là một "Thuật ngữ bao gồm tất cả các công cụ điện tử để thu thập, ghi lại và lưu trữ thông tin, trao đổi và phân phối thông tin cho người khác" (tr. 4). Tương tự, công nghệ thông tin được xem là bao gồm các công cụ điện tử, hỗn hợp phần cứng, phần mềm và phương tiện truyền thông được sử dụng để thu thập, lưu trữ, trình bày và cung

cấp thông tin cho khán giả (Meleisea, 2007; Berce và cộng sự, 2008; Olatoye, 2011). Do đó, các công cụ công nghệ thông tin là “Các dạng công nghệ được sử dụng để tạo, hiển thị, lưu trữ, thao tác và trao đổi thông tin” (Nguyễn và cộng sự, 2012, tr.3).

Trong lĩnh vực học tập và giảng dạy ngôn ngữ, công nghệ thông tin đề cập đến các công cụ giáo dục hỗ trợ quá trình học tập theo những cách cụ thể liên quan đến kết quả học tập (Drent & Meelissen, 2008) bao gồm việc sử dụng máy tính, máy ảnh kỹ thuật số, Internet và World Wide Web (Gillespie, 2006; Davies & Hewer, 2012; Finger và cộng sự, 2007). Trong phạm vi nghiên cứu này, công nghệ thông tin được định nghĩa là các công nghệ dựa trên máy tính và Internet.

3.1.2. Công nghệ thông tin trong giáo dục ngôn ngữ

Trong các lý thuyết về công nghệ thông tin, nhiều nhà nghiên cứu (Zhao, 2003; Thorne & Payne, 2005; Loveless và cộng sự, 2013) cho rằng, công nghệ thông tin nên được tích hợp vào việc học và giảng dạy ngôn ngữ vì nhiều công dụng có lợi của nó. Nói chung, theo Warschauer và Healey (1998), nếu công nghệ thông tin được tích hợp đúng cách vào việc dạy và học tiếng Anh, nó có thể mang lại lợi ích cho cả giáo viên và người học ngôn ngữ bằng cách tạo ra một lớp học ngôn ngữ mang tính tương tác nhiều hơn, thúc đẩy động lực từ người học và cung cấp đầu vào ngôn ngữ phù hợp từ các tình huống thực tế. Vannestål (2009) đề xuất ba cách khác nhau để sử dụng công nghệ thông tin trong học ngôn ngữ: Sử dụng công nghệ thông tin như một cỗ máy, một công cụ và một nền tảng để giao tiếp.

Ngoài ra, các tài liệu đã nhấn mạnh những lợi ích đáng kể của công nghệ thông tin trong việc học ngôn ngữ. Theo Darasawang và Reinders (2010), việc học và giảng dạy ngôn ngữ trực tuyến khiến người học trở nên tự chủ vì công nghệ thông tin giúp người học có trách nhiệm hơn với việc học của họ, dẫn đến tinh thần tự chủ cao hơn và hoạt động giáo dục hướng đến mức độ lấy người học làm trung tâm nhiều hơn. Một lợi ích khác của công nghệ thông tin là bản chất thúc đẩy động lực của nó. Động lực là chìa khóa cho bất kỳ việc học tập nào (Klimova & Poulova, 2014),

và học tiếng Anh không phải là ngoại lệ. Các công cụ công nghệ thông tin như phương tiện trực quan, âm thanh, video clip hoặc hoạt ảnh thúc đẩy người học, “Thu hút sự chú ý của họ và nâng cao hứng thú học tập” (Kuo, 2009, tr.25). Động lực cao dẫn đến sự chú ý, tập trung tốt hơn, đó là một điều kiện tiên quyết trong quá trình học tập (Hale & Lewis, 1979). Với công nghệ thông tin, người học không thụ động tiếp nhận kiến thức, nội dung mà trở nên tích cực hơn, tiếp thu những gì được trình bày một cách hiệu quả.

Tương tự, Kleiman (2004) khẳng định rằng, máy tính tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy và học trong các ngành khác nhau và ở tất cả các cấp. Công nghệ thông tin không chỉ tạo ra việc học độc lập và cá nhân hóa triệt để hơn mà còn cho phép học tập hợp tác và tương tác nhiều hơn. Do đó, với sự trợ giúp của công nghệ thông tin, việc giảng dạy trở nên đa dạng và năng động hơn, đáp ứng nhu cầu tức thời của người học. Hơn nữa, công nghệ thông tin làm phong phú thêm môi trường học tập với nguồn tài liệu phong phú cho việc tiếp thu ngoại ngữ (Pusack & Otto, 1997). Sử dụng công nghệ thông tin, giáo viên có được ý tưởng và thông tin từ nhiều nguồn khác nhau bằng cách tìm kiếm, định vị, lựa chọn và sử dụng nhiều tài liệu dưới dạng đa phương thức (Multi-modal).

Xét theo loại hình, Collis và Moonen (2001) cho rằng, các ứng dụng của công nghệ thông tin được phân thành ba nhóm. Thứ nhất là, tài nguyên chứa thông tin, nội dung để học tập bao gồm phần mềm giáo dục, tài nguyên trực tuyến và tài nguyên video. Thứ hai là, phương tiện tổ chức giảng dạy, học tập: Phần mềm và công cụ để giảng dạy trong lớp học (Ví dụ: Hệ thống quản lý khóa học như Moodle, hệ thống kiểm tra dựa trên máy tính như HotPotatoes). Thứ ba là, công cụ hỗ trợ giao tiếp bao gồm các hệ thống email và các trang mạng xã hội cung cấp các tùy chọn giao tiếp khác nhau.

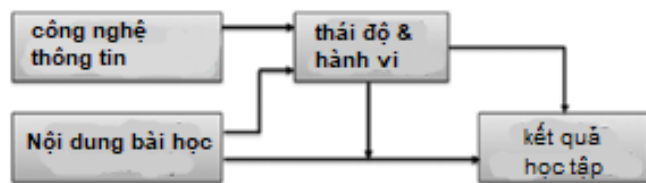
Đối với lớp học nghe tiếng Anh, dựa trên thực tế và lược khảo tài liệu cho thấy giáo viên thường sử dụng một số phương tiện công nghệ thông tin cơ bản được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Các công cụ hỗ trợ dạy và học kỹ năng nghe tiếng Anh thường dùng

Các website tài nguyên	Radio archives, voice recordings, videos, podcasts, YouTube, Internet TV (BBC, VOA), listening labs,...
Các công cụ hỗ trợ dạy học	Quizzes, games, powerpoint presentation,...
Các công cụ giao tiếp trực tuyến	Mạng xã hội, livestreams, webcast,...

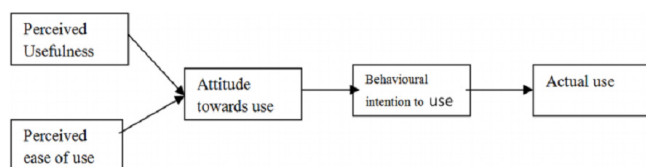
3.1.3. Cơ sở lý thuyết về vai trò ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục

Tác giả Landers (2015) đề xuất mô hình về các thành tố có liên quan trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động học tập và giảng dạy (xem Hình 1). Theo đó, các thành tố chủ yếu là công cụ, phương thức hỗ trợ bằng công nghệ và nội dung giảng dạy. Các yếu tố này góp phần thúc đẩy sự thay đổi về thái độ và hành vi cụ thể của người học, qua đó dẫn đến hiệu quả học tập tốt hơn. Có thể thấy rằng, việc áp dụng cách học tập, giảng dạy kết hợp các yếu tố công nghệ như vậy rất đáng khuyến khích. Sự thay đổi về động lực, thái độ giữ vai trò trung gian, như chất xúc tác tạo ra tác động tích cực lên kết quả học tập của người học.



Hình 1: Mô hình tích hợp công nghệ thông tin vào hoạt động giáo dục (Landers, 2015)

Bên cạnh đó, theo Davis (1989), việc ứng dụng công nghệ thông tin trải qua các cấp độ đón nhận khác nhau (xem Hình 2). Ban đầu là nhận thức của giáo viên và người học về lợi ích và sự tiện lợi, tiếp đến là thay đổi trong thái độ về các công cụ và hình thức ứng dụng công nghệ thông tin. Khi đã có nhận thức đúng và thái độ tích cực, người học hoặc người sử dụng công nghệ thông tin sẽ có biến chuyển thể hiện qua hành vi và dự tính cụ thể. Từ đó đi đến quyết định sử dụng một công cụ, phương tiện cụ thể.



Hình 2: Technology Acceptance Model (TAM) (Davis, 1989)

Nghiên cứu hiện tại sử dụng hai mô hình phổ biến nói trên để tìm hiểu, lý giải về việc ứng dụng công nghệ thông tin và các vấn đề liên quan trong một bối cảnh cụ thể tại một cơ sở học tập ngoại ngữ ở Đồng bằng Sông Cửu Long.

3.1.4. Các nghiên cứu liên quan

Một vài nghiên cứu tập trung vào thái độ của

các nhân tố liên quan đối với vai trò của công nghệ thông tin. Trong nghiên cứu của Saunders và Pincas (2004) về cảm nhận của người học đối với công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập ở Anh, những phát hiện chỉ ra rằng, công nghệ thông tin có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và nâng cao trải nghiệm đại học của người học. Họ cảm thấy rằng, công nghệ thông tin đôi khi được sử dụng như một giải pháp thay thế cho các hoạt động trực tiếp. Tuy nhiên, một số người học không ủng hộ các lớp học trực tuyến vì họ nghĩ rằng điều này sẽ dẫn đến xáo trộn trải nghiệm đã có và thiếu cơ hội để thực hành thường xuyên. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc học trực tiếp trong khuôn viên trường. Nói cách khác, công nghệ thông tin được quan niệm là một hình thức bổ sung chứ không phải là một sự thay thế cho việc học và giảng dạy truyền thống.

Các nghiên cứu khác đã điều tra thái độ của người học đối với các ứng dụng công nghệ thông tin trong học tiếng Anh ở các bối cảnh giáo dục khác. Những nghiên cứu này cho thấy rằng, nhìn chung người học có thái độ tích cực đối với công nghệ thông tin. Ví dụ, Jung (2006) đã điều tra tần suất sinh viên đại học Trung Quốc sử dụng công nghệ thông tin cho mục đích học tiếng Anh nói chung và nhận thức của họ về các ứng dụng này. Liên quan đến nhận thức, những người tham gia thừa nhận lợi ích của công nghệ thông tin trong việc tạo điều kiện cho việc phát triển kỹ năng và kiến thức của họ nhưng với các mức độ cải thiện khác nhau về nghe, nói, từ vựng, đọc, viết và ngữ pháp. Tại Trung Quốc, Liu (2009) đã điều tra thái độ của những người học tiếng Anh không chuyên đối với công nghệ thông tin. Kết quả cho thấy những phát hiện tương tự, tức là những người tham gia nói chung tỏ ra tích cực đối với việc sử dụng công nghệ thông tin để học tiếng Anh vì họ thừa nhận những lợi thế mà công nghệ thông tin mang lại.

Trong một bối cảnh khác, Kullberg (2011) đã khám phá quan điểm của giáo viên và người học về việc sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học tiếng Anh ở Thụy Điển. Các phát hiện cho thấy, người học có thái độ tích cực hơn đối với công nghệ thông tin so với giáo viên và những người học này muốn được học nhiều hơn với máy tính trong lớp học của họ. Tương tự, Ipiña (2012) đã thực hiện một nghiên cứu tại bối cảnh giáo dục Tây Ban Nha liên quan đến thái độ của người học đối với công nghệ thông tin, trong đó tác giả nhận thấy người học bày tỏ cảm giác chung là ủng hộ công nghệ thông tin và thay đổi tích cực thái độ đối với tiếng Anh sau một thời gian họ

được trải nghiệm học tập với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

Cũng tại bối cảnh giáo dục Tây Ban Nha, nghiên cứu của Kopinska (2013) đã phân tích thái độ của người học sau khi tham gia một dự án thử nghiệm với công nghệ thông tin trong lớp học. Các phát hiện chỉ ra rằng người học đã nhận thức đầy đủ về tính hữu ích của công nghệ thông tin đối với việc học của họ nhưng họ cũng chỉ ra rằng, trở ngại nằm ở chỗ người học ít được tiếp xúc với các công nghệ mới. Siragusa và Dixon (2009) cũng kiểm tra thái độ của một nhóm người học đại học đối với việc sử dụng và tham gia của họ qua tương tác với các phương tiện công nghệ thông tin. Mặc dù dữ liệu định lượng được thu thập cho thấy người học tin rằng, tương tác với công nghệ thông tin là dễ chịu, hữu ích và dễ dàng, nhưng những phát hiện định tính cho thấy một số người học cũng trải qua một mức độ lo lắng và căng thẳng nhất định khi làm việc với các công cụ công nghệ thông tin.

Kubiatko (2010) đã điều tra thái độ liên quan đến công nghệ thông tin giữa những sinh viên các ngành khoa học ở Cộng hòa Séc. Tuy nhiên, không giống như các nghiên cứu khác, nghiên cứu này đánh giá thái độ của người học theo ba biến: giới tính, trình độ và nơi cư trú. Kết quả chỉ ra rằng, sinh viên nam năm thứ hai có nguồn gốc từ thị trấn nhỏ có thái độ tích cực hơn đối với việc sử dụng công nghệ thông tin so với các nhóm khác.

Trong bối cảnh Việt Nam, Nguyễn và Trí (2014) đã thực hiện một nghiên cứu định lượng kiểm tra thái độ của 149 sinh viên không chuyên đối với việc áp dụng công nghệ thông tin trong học tiếng Anh. Kết quả cho thấy, hầu hết những người tham gia có thái độ tích cực về việc sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học tiếng Anh. Ngoài ra, họ kì vọng rằng:

“Công nghệ thông tin nên được sử dụng thường xuyên hơn trong lớp học để tối đa hóa việc học và giảng dạy ngôn ngữ” (tr.32).

Tựu trung lại, các nghiên cứu trên cho thấy, người học có thái độ khá tích cực về công nghệ thông tin trong lớp học tiếng Anh. Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn chưa xác định được quan điểm của người học về việc giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong học tập một kĩ năng cụ thể. Ngoài ra, nghiên cứu về các ứng dụng công nghệ thông tin trong bối cảnh học tiếng Anh ở Đồng bằng Sông Cửu Long còn rất khiêm tốn. Do đó, nghiên cứu hiện tại được thực hiện nhằm khám phá sâu hơn về quan điểm người học, các yếu tố ảnh hưởng thái độ của họ đối với việc sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học tiếng Anh, đặc biệt là kĩ năng nghe.

3.2. Công cụ được người học ưa thích

Kết quả cho thấy, các công cụ công nghệ thông tin được ưa thích nhiều nhất lần lượt gồm: Chương trình trình chiếu powerpoint, Youtube, phòng học nghe trực tuyến, podcasts/webcasts và các kênh TV. Chi tiết thống kê cơ bản về mức đánh giá của người học đối với nhóm năm công cụ này được trình bày trong Bảng 2.

Theo Bảng 2, các bài thuyết trình sử dụng PowerPoint là công cụ được người học ưa thích nhất ($M = 4,81$). Công cụ ít được ưa chuộng nhất là các kênh truyền hình ($M = 1,33$). YouTube, phòng học nghe trực tuyến và podcast/webcast có mức đánh giá trung bình lần lượt là 2,29; 2,15 và 2,04.

Điểm trung bình của cả cụm khá thấp ($M = 2,52$), chỉ đạt mức giữa trên thang điểm 5 cấp độ. Kết quả này cho thấy giáo viên không thường xuyên sử dụng và đa dạng các công cụ công nghệ thông tin trong các giờ dạy nghe của họ. Công cụ phổ biến duy nhất mà họ thường xuyên thực hiện là các bài thuyết

Bảng 2: Thống kê mô tả Các công cụ được ưa chuộng

Tool	N	Min	Max	Mean	SD
PowerPoint presentations	52	3	5	4.81	.45
Online listening labs	52	1	5	2.15	1.4
TV stations	52	1	4	1.33	.71
YouTube	52	1	5	2.29	1.2
Podcasts/webcasts	52	1	5	2.04	1.5
Total	52	1.60	4.60	2.52	.65

trình PowerPoint. Đáng chú ý, các công cụ thiết thực như YouTube, phòng nghe trực tuyến và podcast/webcast được sử dụng ở mức trung bình. Các kênh truyền hình được xếp thấp hơn cả.

3.3. Thái độ về công nghệ thông tin

Bảng 3 trình bày kết quả về thái độ của người học đối với việc sử dụng công nghệ thông tin. Nhìn chung, người học có thái độ khá tích cực. Thái độ tri nhận là khía cạnh có giá trị trung bình cao nhất ($M = 4.01$), kế đến là thái độ biểu hiện hành vi ($M = 3.99$) và thái độ cảm xúc có phần hơi thấp hơn ($M = 3.34$).

Bảng 3: Thái độ của người học đối với việc sử dụng công nghệ thông tin

	Giá trị trung bình	Xếp loại*
Thái độ cảm xúc	3.34	Tích cực
Thái độ tri nhận	4.01	Khá tích cực
Thái độ hành vi	3.99	Khá tích cực
Thái độ tổng quát	3.78	Khá tích cực

(*Xếp loại theo Oxford, 1985)

3.4. So sánh thái độ giữa các nhóm

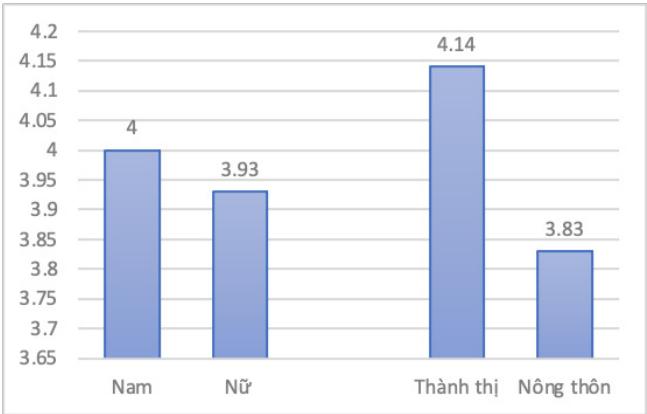
Để hiểu sâu về thái độ đón nhận công nghệ thông tin áp dụng vào bài học tiếng Anh, chúng tôi đã tiến hành phân tích so sánh giữa các nhóm giới tính (nam - nữ) và nguồn gốc xuất thân (thành phố - nông thôn). Hình 3 minh họa khác biệt cơ bản trong điểm bình quân của các nhóm.

Như vậy, về giới tính cũng như nguồn gốc xuất thân, có sự khác biệt trong thái độ của họ đối với việc sử dụng các công cụ công nghệ thông tin hỗ trợ học tập. Các khác biệt được kiểm tra bởi phép tính *Independent-Samples T-test* trên SPSS. Kết quả kiểm tra cho thấy độ khác biệt giữa nam và nữ có ý nghĩa về mặt thống kê, ($p = .012 < .05$). Đối với nguồn gốc xuất thân, khác biệt trong thái độ về công nghệ thông tin cũng thể hiện ý nghĩa thống kê, với giá trị $p = .022 < .05$. Tóm lại, người học có giới tính nam hoặc xuất thân từ thành thị sẽ có xu hướng thể hiện thái độ tích cực cao hơn về công nghệ thông tin so với nhóm nữ, hoặc nhóm xuất thân từ nông thôn.

3.5. Các yếu tố ảnh hưởng

3.5.1. Sở thích cá nhân

Yếu tố đầu tiên tác động đến thái độ đối với



Hình 3: So sánh thái độ về công nghệ thông tin giữa các nhóm

ứng dụng công nghệ thông tin phải kể đến là sự ưa chuộng mang tính cá nhân. Qua phỏng vấn, người học thể hiện cảm nhận của riêng mình về các công cụ công nghệ thông tin cụ thể, sử dụng các động từ diễn tả nhận xét, cảm quan như: *yêu thích, cảm thấy, cho rằng...* Đây là những cụm từ đặc trưng thể hiện các tiểu mục trong thang đo về khía cạnh cảm xúc (Affective) trong khái niệm thái độ. Sự ưa chuộng này, đặc biệt là đối với phần mềm trình chiếu PowerPoint, được bày tỏ rõ ràng và xuyên suốt bởi nhiều người học được phỏng vấn. Ví dụ: “Em thích PowerPoint nhất vì khi giáo viên sử dụng PowerPoint trong các bài học nghe kết hợp với hình ảnh và âm thanh sống động và chân thực, em dễ dàng nghe được tiếng Anh” (SV #4). “PowerPoint là ứng dụng em thích nhất vì khi nghe kèm với PowerPoint, có sự kết hợp giữa hình ảnh và âm thanh, bài học thú vị hơn” (SV #6).

3.5.2. Nhận thức

Thái độ của người học có phần chịu tác động của nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò, tác dụng và lợi ích của công nghệ thông tin. Nhận thức tốt về tầm quan trọng của công nghệ thông tin sẽ là cơ sở để người học có thái độ phù hợp và tích cực với từng loại hình công nghệ cụ thể. Đây là khía cạnh tri nhận (cognitive) trong mô hình về thái độ (Gardner, 1985). Các sinh viên được phỏng vấn thể hiện rằng, họ có nhận thức khá sâu sắc về vai trò, chức năng của công nghệ thông tin trong việc hỗ trợ hoạt động học tập: “Em hiểu rằng, các phòng học nghe trực tuyến *listening lab* mang lại hiệu quả nhiều hơn. Chúng cũng dễ tiếp cận và chúng ta có thể nghe được âm thanh đạt tiêu chuẩn” (SV #5). “... Lợi ích của các công cụ công nghệ thông tin đối với môn nghe là về phát âm chính xác. Em có thể bắt chước, trở nên quen thuộc với lời nói của người bản ngữ” (SV #3).

3.5.3. Trải nghiệm với thực tế

Thái độ về công nghệ thông tin của người học cũng chịu sự chi phối của thực tế và trải nghiệm mà họ từng có. Trong phần trả lời phỏng vấn, vài sinh viên bày tỏ những khó khăn, thách thức mà bản thân họ gặp phải khi giáo viên sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học. Ví dụ, giáo viên sử dụng tài liệu giảng dạy có mức độ khó so với trình độ hiện tại của người học, chất lượng các video chưa cao... như được bày tỏ qua các câu trả lời sau: “Em không thích khi giáo viên sử dụng video từ các kênh TV vì rất khó nghe và vì có quá nhiều tiếng ồn” (SV #1, #5). “... cũng rất khó nghe VOA vì bài tốc độ nói nghe rất nhanh” (SV #2, #6).

3.5.4. Ý chí và dự tính

Các đánh giá, nhận xét mang tính định tính qua các cuộc phỏng vấn cho thấy yếu tố dự tính hay ý chí liên quan đến việc đón nhận và sử dụng công nghệ thông tin cũng ảnh hưởng không nhỏ lên thái độ hiện tại của họ. Yếu tố này liên quan chặt chẽ với các tiểu mục thể hiện thái độ hành vi (behavioral attitude) đã được đề cập trong phần trước của bài viết. Qua cách nhìn nhận từ phía người học, động lực để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong lớp học biểu hiện như sau đây: “... công nghệ thông tin khiến em cảm thấy bớt nhàm chán và hứng thú lắng nghe hơn” (SV #1). “Em sẽ cảm thấy tốt và thích thú hơn khi giáo viên sử dụng các công cụ công nghệ thông tin để dạy nghe” (SV #5).

Để tiếp tục duy trì ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác dạy và học, các sinh viên cũng thể hiện đề xuất, chiến lược tương ứng khắc phục hạn chế mà thực tế họ trải qua. Phần lớn các đề xuất liên quan đến việc nâng cấp, trang bị tốt hơn về cơ sở vật chất: “Em nghĩ rằng, công nghệ thông tin nên được áp dụng trong mỗi bài học để cải thiện kỹ năng nghe của chúng em. Em cũng muốn nghe nhiều hơn với các lab nghe trực tuyến và hi vọng rằng thiết bị nghe nhìn ở trường có thể được cải thiện” (SV #4); “Em nghĩ rằng, công nghệ thông tin nên được áp dụng nhiều hơn và trung tâm của chúng ta nên sửa chữa TV thường gặp sự cố khi kết nối với máy tính xách tay để chúng ta có thể học cách nghe tốt hơn” (SV #5).

4. Kết luận

Nghiên cứu đã sử dụng cơ sở lý thuyết về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục của các tác giả Davies (1989) và Landers (2015) để tìm hiểu quan điểm, thái độ của người học về việc áp dụng các

phương tiện, công cụ công nghệ thông tin vào hoạt động giảng dạy và học tập tiếng Anh, đặc biệt chú ý đến ứng dụng công nghệ thông tin và giảng dạy kỹ năng nghe. Kết quả cho thấy, thái độ của người học tiếng Anh ở môi trường trung tâm, cơ sở ngoại ngữ về công nghệ thông tin có mức độ khá tích cực, chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, trong đó quan trọng là nhận thức, trải nghiệm thực tế, và ý định tiếp nhận, duy trì các công cụ hỗ trợ. Ở các khía cạnh khác nhau trong khái niệm thái độ, người học tiếng Anh ở Việt Nam thể hiện một nhận thức cao về vai trò, đóng góp của công nghệ thông tin, có dự tính, ý chí cụ thể, rõ ràng để chấp nhận ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào việc học tập. Tuy vậy, khía cạnh cảm xúc trong thái độ ít nhiều còn hạn chế so với thái độ tri nhận và hành vi. Điều này gợi ý rằng, giáo viên nên giới thiệu, trình bày rõ, hoặc thông qua thực tế áp dụng để giúp người học hiểu sâu hơn, có nhiều động lực và đón nhận các lợi ích mà công nghệ thông tin mang lại.

Khi so sánh thái độ của các nhóm khác nhau về công nghệ thông tin, kết quả cho thấy có nhiều khác biệt đáng kể. Điều này kiến nghị rằng giáo viên nên chú trọng tính cân đối, đều đặn, toàn diện các mặt về thái độ; quan tâm, hỗ trợ, phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu nhằm đảm bảo người học có được nhận thức đúng, cảm xúc tích cực và trải nghiệm hữu ích với các công cụ công nghệ thông tin. Những phát hiện của nghiên cứu này có một số ý nghĩa quan trọng đối với giáo viên tiếng Anh ở Việt Nam. Giáo viên nên chuyển đổi kỹ thuật giảng dạy của mình thông qua việc tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học để quá trình học tập trở nên thú vị và học sinh sẽ cảm thấy bớt áp lực hơn. Việc sử dụng công nghệ thông tin trong lớp học là rất quan trọng trong việc đảm bảo phát triển nhiều kỹ năng trong đó kỹ năng nghe đặc biệt đáng quan tâm. Rất nhiều công cụ công nghệ thông tin chưa được khai thác triệt để và việc chọn lựa để có thể có được nội dung, dạng thức phù hợp với đa số người học cũng đáng quan tâm. Hiểu rõ quan điểm và thái độ của người học sẽ là cơ sở quan trọng cho các giải pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, phát huy tính tích cực học tập và nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ tại Việt Nam.

Hạn chế của nghiên cứu này thể hiện qua số lượng khách thể tham gia còn khiêm tốn, tập trung vào đối tượng là học viên tại cơ sở ngoại ngữ. Các nghiên cứu trong tương lai cần khắc phục điểm yếu này bằng cách chọn mẫu tham gia lớn hơn; đồng thời có thể mở rộng phạm vi nghiên cứu. Ví dụ như, bao

gồm các đối tượng người học phong phú hơn như là học sinh phổ thông, hoặc sinh viên đại học. Ngoài ra, nhiều công cụ, xu hướng, hình thức học tập với công nghệ thông tin mới đã bắt đầu được sử dụng. Ví dụ như hình thức học trực tuyến, kết hợp trực tiếp và trực tuyến cũng như các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) đặc biệt từ sau đại dịch COVID-19, chưa được đề cập và đánh giá trong nghiên cứu hiện tại. Trong tương lai, khi các hình thức, công cụ học tập này được áp dụng triệt để hơn, đạt mức độ nhất định cả về

chiều sâu và chiều rộng, hay nói cách khác, khi hiện tượng phát triển công nghệ thông tin đã trở thành xu hướng phổ quát, thì việc đánh giá ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục một cách toàn diện hơn, bao quát hơn nữa là điều thiết yếu. Được như vậy, kết quả về hiệu quả sử dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng học tập ngoại ngữ sẽ mang tính cập nhật, khẳng định và thuyết phục hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

- Ahmadi, S. M. (2016). The importance of listening comprehension in language learning. *International Journal of Research in English Education*, 1(1), 7-10.
- Albirini, A. (2006). *Teachers' attitudes toward information and communication technologies: The case of Syrian EFL teachers*. *Computers & Education*, 47(2006), 373-398.
- Anderson, J. (2010). *ICT transforming education: A regional guide*. Bangkok: UNESCO.
- Berce, J., Lanfranco, S., & Vehovar, V. (2008). *E-governance: Information and communication technology, knowledge management, and learning organization culture*. *Informatica*, 32(2).
- Collis, B., & Moonen, J. (2001). *Flexible learning in a digital world. Experiences and expectations*. London: Kogan Page.
- Darasawang, P., & Reinders, H. (2010). Encouraging autonomy with an online language support system. *Computer-Assisted Language Learning - Electronic Journal*, 11(2).
- Davis, F. D. (1989). *Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology*. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-339.
- Davies, G., & Hewer, S. (2009). *Introduction to new technologies and how they can contribute to language learning and teaching*. In G. Davies (Ed.), *Information and Communications Technology for Language Teachers*. Thames Valley University.
- Devi, M. R. (2022). The importance of speaking and listening abilities for EFL students. *International Journal of Advanced Multidisciplinary Scientific Research (IJAMSR)*, 5(7), 1-5.
- Drent, M., & Meelissen, M. (2008). *Which factors obstruct or stimulate teacher educators from Using ICT innovatively?* *Computers & Education*, 51(1), 187-199.
- Duong, T. M., Tran, T. T. H., & Tran, T. Q. (2019). Eleventh graders' actual use of English listening learning strategies at Duong Van Duong high school. *VNU Journal of Foreign Studies*, 35(1), 114-130.
- Duressa, B. T., Woldemariam, G. S., & Wakjira, A. T. (2022). The effects of listening strategies instruction on EFL students' listening achievements and motivation. *East African Journal of Social Sciences and Humanities*, 7(2), 63-82.
- Finger, G., Russell, G., Jamieson-Proctor, R., & Russell, N. (2007). *Transforming Learning with ICT: Making IT Happen*. Frenchs Forest, N. S. W: Pearson Education Australia.
- Gardner, R. C. (1985). *Social Psychology and Second Language Learning: The Role of Attitudes and Motivation*. London: Edward Arnold.
- Gillespie, H. (2006). *Unlocking learning and teaching with ICT: Identifying and overcoming barriers*. London: David Fulton.
- Hale, G. A., & Lewis, M. (Eds.). (1979). *Attention and Cognitive Development*. New York: Plenum Press.
- Ipiña, L. N. (2012). *The Use of Wikis in a CLIL-POL Context as Tools for Collaborative Writing. Impact of Attitudes*. (Unpublished doctoral thesis). Eskoriatza: Mondragon University.
- Jung, S. H. (2006). *The use of ICT in learning English as an international language*. (Unpublished doctoral thesis). University of Maryland, College Park, the USA.
- Kleiman, G. M. (2004). Myths and realities about technology in K-12 schools: Five years later. *Contemporary Issues in Technology and Teacher Education*, 4(2), 248-253.
- Klimova, B. F., & Poulova, P. (2014). *ICT as a motivational tool in the learning of foreign languages*.
- Kopinska, M. (2013). *New technologies in foreign language classroom: The role of attitudes*. The 6th edition of the ICT for Language Learning Conference.
- Krashen, S. (1985). *The input hypothesis: Issues and implications*. Harlow: Longman
- Kubiatko, M. (2010). Czech university learner's attitudes towards ICT used in science education. *Journal of Technology and Information Education*, 2(3), 20-25.
- Kullberg, T. (2011). *Swedish teachers' and learners' views on the use of ICT in the English classroom*. [Unpublished BA thesis]. Linnaeus University, Spain.
- Kuo, L. L. (2009). *The effects of YouTube listening/viewing activities on Taiwanese EFL learners' listening comprehension*. (Unpublished doctoral thesis). La

- Sierra University, the USA.
- Landers, R. N. (2015). *Developing a theory of gamified learning: Linking serious games and gamification of learning*. *Stimulation & Gaming*, 45(6), 752-768.
- Liu, J. H. (2009). A survey of EFL learners' attitudes towards information and communication technologies. *English Language Teaching Journal*, 2(4), 101-106.
- Loveless, A., DeVogd, G. L., & Bohlin, R. M. (2013). *Something old, something new... Is pedagogy affected by ICT? In V. Ellis & A. Loveless (Eds.), ICT, pedagogy and the curriculum: Subject to change* (pp. 63-83). New York, NY: Routledge.
- Meleisea, E. (2007). *The UNESCO ICT in education programme*. Bangkok, Thailand: United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- Morley, J. (1991). *Listening comprehension in second/foreign language instruction. In M. Celce-Murcia (Ed.), Teaching English as a second or foreign language* (2nd ed.) (pp. 81-106). Boston: Heinle and Heinle.
- Nevisi, R. B., & Modarresi, M. H. (2023). *The effect of audiovisual input on EFL learners' receptive and productive vocabulary knowledge of concrete and abstract words*. *Teaching English Language*, 17(2), 325-360.
- Nguyen, H. C. (2007). *Teaching and learning of foreign languages in Vietnam: The current situation and some solutions*. *Social Sciences Information Review*, 1(1), 43-53.
- Nguyen, N. H. T., & Tri, D. H. (2014). *An exploratory study of ICT use in English language learning among EFL university learners*. *Teaching English with Technology*, (4), 32-46.
- Nguyen, N., Williams, J., & Nguyen, T. (2012). *The use of ICT in teaching physics: Technology and pedagogy*. *Asia-Pacific Forum on Science Teaching and Learning*, 13(2), 1-19.
- Nguyen, Q. N., & Thai, D. C. (2018). *Listening comprehension: First-year English-major students' perceptions and problems*. *Can Tho University Journal of Science*, 54(2), 75- 83.
- Nugroho, A., Zamzami, M. R. A., & Ukhrowiyah, N. F. (2020). *Language input, learning environment, and motivation of a successful EFL learner*. *Journal on English as a Foreign Language (JEFL)*, 10(1), 46-69.
- Olatoye, R. (2011). *Levels of participation in ICT training programs, computer anxiety, and ICT utilization among selected professionals*. *International Journal of Education and Development using ICT*, 7(2), 15-26.
- Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies and beyond: A look at strategies in the context of styles*. *Shifting the instructional focus to the learner*, 35, 55.
- Pusack, J. P., & Otto, S. (1997). *Taking control of multimedia. In M. D. Bush & R. M. Terry (Eds.), Technology-enhanced language learning* (pp. 1-46). Lincolnwood, IL: National Textbook Company.
- Rost, M. (1994). *Online summaries as representations of lecture understanding. In J. Flowerdew (Ed.), Academic listening: Research perspectives* (pp. 93-128). Cambridge University Press.
- Saunders, G., & Pincas, A. (2004). *Learner Attitudes towards Information Technologies in Teaching and Learning in the UK*.
- Secules, T., Herron, C., & Tomasello, M. (1992). *The effect of video context on foreign language learning*. *The Modern Language Journal*, 76(4), 480-490. <https://doi.org/10.1111/j.1540-4781.1992.tb05396.x>
- Siegel, J. (2014). *Problematising L2 listening pedagogy: The potential of process-based listening strategy instruction in the L2 classroom* (Unpublished doctoral thesis). Birmingham: Aston University
- Siragusa, L., & Dixon, K. (2009). *Theory of planned behavior: Higher education students' attitudes towards ICT-based learning interactions*. In Same places, different spaces. *Proceedings ascilite Auckland 2009*. <http://www.ascilite.org.au/conferences/auckland09/procs/siragusa.pdf>
- Thorne, S. L., & Payne, J. S. (2005). *Evolutionary trajectories, Internet-mediated expression, and language education*. *CALICO Journal*, 22(3), 371-397.
- Vannestål, M. E. (2009). *Lära engelska på internet*. Lund: Studentlitteratur.
- Zhao, Y. (2003). *Recent developments in technology and language learning: A literature review and meta-analysis*. *CALICO Journal*, 21(1), 7-27.